

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD3 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1310172001-801 - S c b n v t l i u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CH ấ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3471010011	34CCD3	Nguy n ấ c Anh	29/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3471010013	34CCD3	Tr n V ấ Anh	18/08/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3471010019	34CCD4	L u Minh B o	20/09/1992				9.5	5.0		7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
4	3471010415	34CCD1	Tr n ấ o ấ B ấ nh	02/02/1992				9.0	6.0		7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
5	3571010074	35CC ấ 3	Ph m Quang C n	24/12/1993				10.0	7.5		8.8	2.6	3.5	2.5	5.1	
6	3571011622	35CC ấ 7	Nguy n M nh C ồ ng	05/11/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	1.8	1.3	2.9	
7	3471010045	34CCD7	H V ấ Cu	00/00/1991				7.0	7.0		7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
8	3471010031	34CCD5	Nguy n V ấ Ch t	04/03/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
9	3471010054	34CCD3	Nguy n T ấ ng Danh	30/09/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
10	3471010058	34CCD2	Nguy n Thi ấ n Du	11/11/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
11	3471010071	34CCD1	Tr n Tr ng Duy	28/06/1992				9.0	6.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
12	3471010072	34CCD1	Nguy n Ng c D uy ấ n	17/07/1992				6.0	2.0		4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
13	3471010076	34CCD7	Nguy n V ấ ấ a	06/11/1992				7.0	6.5		6.8	2.0	1.5	1.1	3.1	
14	3471010085	34CCD4	Ph m V ấ ấ t	30/07/1991				8.0	3.0		5.5	1.7	3.8	2.7	4.3	
15	3571010228	35CC ấ 2	Ng ấ Ti n ấ i p	26/03/1993				3.5	4.0		3.8	1.1	0.0	0.0	1.1	
16	3471010105	34CCD4	Tr n Trung ấ c	04/05/1992				2.0	0.0		1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	
17	3571011468	35CC ấ 7	Ph m V ấ Hà	20/12/1993				5.0	4.5		4.8	1.4	0.3	0.2	1.6	
18	3471010122	34CCD2	Tr nh Xu ấ n Hi p	06/10/1991				8.0	5.5		6.8	2.0	4.5	3.2	5.2	
19	3471010130	34CCD4	ấ ồ Kim Nguy n Huy Hoàng	16/10/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	5.8	4.1	6.2	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD3 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 1310172001-801 - S c b n v t l i u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3471010124	34CCD3	Phan Minh	Ho t	04/03/1992				6.0	2.0		4.0	1.2	0.5	0.4	1.5	
21	3471010133	34CCD2	Ho ã V ã	H ng	10/01/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3571010398	35CCĐ3	ñ V ã	Huy	10/02/1992				6.0	4.0		5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
23	3571011642	35CCĐ7	Tr n Minh	Huy	16/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3471010144	34CCD6	Lê Huy	Hùng	04/04/1991				5.0	3.5		4.3	1.3	4.0	2.8	4.1	
25	3471010145	34CCD4	L ² V ã	Hùng	10/09/1992				6.0	7.5		6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	
26	3571010651	35CCĐ1	Nguy n	H ng	25/05/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	1.3	0.9	2.4	
27	3571010680	35CCĐ2	D Thanh	Kha	20/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3471010165	34CCD6	VHĐuy	Khánh	27/07/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
29	3471010175	34CCD6	Lê Tùng	Lâm	21/10/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
30	3571010219	35CCĐ2	Nguy n H u T ng	Lâm	15/06/1993				5.5	4.0		4.8	1.4	2.0	1.4	2.8	
31	3471010178	34CCD7	Cao Thành	L p	06/11/1992				7.0	2.0		4.5	1.4	5.3	3.7	5.1	
32	3471010185	34CCD4	Phan Thúc	Linh	19/02/1991				4.0	4.0		4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
33	3471010186	34CCD4	V ¹ / ₂ H ng	Linh	10/01/1992				8.0	7.0		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
34	3471010190	34CCD4	Nguy n Anh	Long	25/03/1992				6.0	4.0		5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
35	3471010191	34CCD6	Nguy n Ho ã	Long	26/02/1989				7.0	3.0		5.0	1.5	1.5	1.1	2.6	
36	3471010212	34CCD5	VHĐnh	Minh	21/02/1988				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
37	3571010224	35CCĐ2	Nguy n Tr´	Nam	12/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
38	3571011497	35CCĐ7	Nguy n V ã	Ngà	05/01/1993				5.0	3.5		4.3	1.3	3.0	2.1	3.4	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 34CCD3 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 1310172001-801 - S c b n v t l i u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3471010222	34CCD1	Nguy n Tr ng	Nghĩa	19/03/1992				9.5	8.0		8.8	2.6	3.5	2.5	5.1	
40	3471010226	34CCD6	L ² V ã	Ng c	02/01/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
41	3571010044	35CCĐ2	Phan Th	Phong	18/04/1993				5.0	3.0		4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
42	3471010244	34CCD2	Huỳnh T n	Ph ng	10/02/1992				7.0	5.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
43	3471010253	34CCD1	Lê Anh	Ph ng	24/07/1992				9.0	7.0		8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
44	3571011804	35CCĐ6	T ã ã i Duy	Quang	12/03/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
45	3571010581	35CLC1-CĐ	Tr n Kh c	Quang	20/04/1992				6.0	4.0		5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
46	3571010391	35CCĐ4	Tr n H ng	Quân	25/01/1993				7.0	4.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
47	3471010270	34CCD2	ñ Thanh	S n	27/01/1992				7.0	5.5		6.3	1.9	4.5	3.2	5.0	
48	3571011807	35CCĐ7	Nguy n Ng c	S n	25/03/1993				6.0	4.0		5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
49	3571011499	35CCĐ7	Nguy n Anh	Tài	26/02/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	
50	3571010183	35CLC1-CĐ	ñ Thanh	Tân	08/05/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	5.3	3.7	5.6	
51	3571010738	35CCĐ1	Ph m Minh	Tân	27/07/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	2.8	2.0	4.1	
52	3471010338	34CCD3	Nguy n Minh	Ti n	09/02/1992				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.1	
53	3571011607	35CCĐ7	H L ² Minh	Tín	24/07/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	1.5	1.1	3.1	
54	3571011812	35CCĐ7	Nguy n Tr ng	Tín	30/12/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	0.0	0.0	1.7	
55	3471010346	34CCD7	Tr n Tr ng	T	05/07/1991				5.0	4.0		4.5	1.4	1.0	0.7	2.1	
56	3571011529	35CCĐ7	VHPh m	Tuân	02/01/1990				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
57	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang	Tu n	21/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 34CCD3 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 1310172001-801 - S c b n v t l i u H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CH ấ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3471010376	34CCD6	Tr n Ho ấ	Tu n	21/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
59	3571010275	35CCĐ2	Phan V ấ	Tu	24/04/1993				3.0	3.0		3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
60	3471010377	34CCD1	B ầi Duy	T ầ	17/04/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
61	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh	T ầ	11/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
62	3471010384	34CCD7	L ề Kim Th ầ	T ầ	22/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
63	3471010281	34CCD7	L ề V ấ	Thanh	14/01/1991				9.0	8.0		8.5	2.6	5.5	3.9	6.4	
64	3471010302	34CCD6	Nguy n Quang	Th ầ	09/12/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
65	3471010303	34CCD1	Nguy n Qu c	Th ầ	10/12/1990				8.5	6.5		7.5	2.3	4.0	2.8	5.1	
66	3471010310	34CCD7	Nguy n Xu ấ n	Th i m	25/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
67	3471010319	34CCD5	Ph m V ấ	Th ầ	26/02/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
68	3571010212	35CCĐ2	Tr n C ầ	Th ầ	03/08/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	3.3	2.3	4.1	
69	3471010328	34CCD1	Nguy n ấ c	Th nh	23/05/1992				9.0	7.5		8.3	2.5	4.8	3.4	5.8	
70	3471010330	34CCD7	V ồ	Th nh	01/01/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
71	3471010321	34CCD1	Hu nh Ng c	Thu n	04/05/1991				8.0	7.5		7.8	2.3	6.3	4.4	6.7	
72	3471010333	34CCD4	ấ o ầ Ch ấ	Th ề	04/04/1992				6.0	5.5		5.8	1.7	2.3	1.6	3.3	
73	3471010349	34CCD6	B ầi Duy	Trinh	04/10/1991				8.0	3.0		5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
74	3571010732	35CLC1-CĐ	B ầi Duy	Tr ề	19/10/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	4.8	3.4	5.0	
75	3471010389	34CCD4	Ng ầ Nh	Úc	10/10/1992				5.5	5.0		5.3	1.6	3.0	2.1	3.7	
76	3471010395	34CCD7	Nguy n An	Vinh	21/11/1992				8.5	6.0		7.3	2.2	3.5	2.5	4.6	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 34CCD3 Nñ h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 1310172001-801 - S c b n v t l i u H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3471010399	34CCD7	V ng Quang	Vinh	23/01/1992				9.5	6.0		7.8	2.3	8.0	5.6	7.9	
78	3471010404	34CCD6	Nguy n T n	VJO	06/09/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	0.5	0.4	2.3	

T ng s : 78 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa